BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER
Số (Nº):24KMC/223622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU

(Certificate of conformity from inspection of technical safety quality and environmental protection for imported transport construction machinery-TCM)

Tình trạng xe máy chuyên dùng *(TCM's status)*: **Đã qua sử dụng**

Người nhập khẩu *(Importer)*: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG HÁN**

Địa chỉ *(Address)*: **Kiốt số 3-4, 120 Đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Loại xe máy chuyên dùng *(TCM's type)*: **Cần trục bánh lốp tay lái nghịch**

Nhãn hiệu *(Trade mark)*: **KOBELCO** Mã kiểu loại *(Model code)*: **RK250-6**

Tên thương mại *(Commercial name)*: **PANTHER 250**

Số khung *(Chassis Nº)*: **EZ0810193** Số động cơ *(Engine Nº)*: **6M60091773**

Nước sản xuất *(Production country)*: **JAPAN** Năm sản xuất *(Production year)*: **2005**

Số tờ khai hàng hóa nhập khẩu/ngày *(Customs declaration Nº/date)*: **106327843860/04/06/2024**

Thời gian/Địa điểm kiểm tra *(Inspection date/site)*: **10/06/2024 / Thành phố Hà Nội**

Số biên bản kiểm tra *(Inspection record Nº)*: **007313/24MC-076/001**

Số đăng ký kiểm tra *(Registered Nº for inspection)*: **007313/24MC**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN
(Major technical specification)

Khối lượng bản thân *(Kerb mass)*:	**26495**	kg
Kích thước bao: Dài x Rộng x Cao *(Overall dimensions: L x W x H)*:	**10990 x 2620 x 3475**	mm
Ký hiệu, loại động cơ *(Engine model, engine type)*:	**6M60-LTE2A, 4 kỳ, 6 xi lanh thẳng hàng**	
Loại nhiên liệu *(Fuel)*::	**Diesel**	
Công suất lớn nhất của động cơ/ tốc độ quay *(Max. engine output/ rpm)*:	**200/2700**	kW/rpm
Vận tốc di chuyển lớn nhất *(Max travelling speed)*:	**49,0**	km/h

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG
(Special technical specification)

Sức nâng lớn nhất theo thiết kế *(Max design lifting capacity)*:	**25000(*)**	kg
Cần *(Boom)*:		
Loại cần/số đoạn/chiều dài: *(Type/ number of sections/ length)*:	**Cần hộp / 4 / 30,62 m**	
Tầm với lớn nhất của cần chính *(Max working radius of Boom)*:	**28,2**	m
Tầm với lớn nhất của cần phụ *(Max working radius of Jip)*:	**35,5**	m
Chiều cao nâng lớn nhất của cần chính *(Max lifting height of Boom)*:	**31,9**	m
Chiều cao nâng lớn nhất của cần phụ *(Max lifting height of Jip)*:	**43,6**	m

Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

This TCM has been inspected and satified with requirements of the Circulars Nº 89/2015/TT-BGTVT to be issued on Dec 31st 2015 by Minister of Ministry of Transport.

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2024

Cơ quan kiểm tra
(Inspection body)
TL. CỤC TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG CHẤT LƯỢNG XE CƠ GIỚI
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Ký bởi: Cục Đăng kiểm Việt Nam
Email: vr@vr.org.vn
Cơ quan: Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 12/06/2024 15:38:15

Hoàng Quân

Ghi chú (Remarks):- (*) Giá trị này chỉ được ghi nhận khi xe vận hành đúng theo các điều kiện riêng nêu trong tài liệu của nhà sản xuất; - Chiếc xe này dùng để hoạt động trong phạm vi hẹp và không tham gia giao thông.

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp/...
Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

Ký bởi: Hoàng Quân
Email: quanh.vr@mt.gov.vn
Cơ quan: Cục Đăng kiểm Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải
Thời gian: 12/06/2024